Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55/2026/QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số: 375/TTr-SYT ngày 22 tháng 8 năm 2026, Báo cáo số 292/BC-STP ngày 16/07/2026 của Sở Tư pháp, Báo cáo số 05/BC-HĐTĐ ngày 30/7/2026 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy định Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP) về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; ký hiệu: QCĐP 01:2026/PT.

Điều 2. Quy định về nội kiểm, ngoại kiểm, kiểm tra và giám sát

1. Nội kiểm chất lượng nước đối với đơn vị cấp nước, đơn vị sử dụng nước: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 52/2024/TT-BYT.

2. Ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch:

a) Đối với đơn vị cấp nước, đơn vị sử dụng nước: thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Thông tư số 52/2024/TT-BYT.

b) Đối với đơn vị và hộ gia đình tự khai thác sử dụng nước: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 52/2024/TT-BYT.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến; triển khai, hướng dẫn và báo cáo việc thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc thực hiện kiểm tra, giám sát, ngoại kiểm chất lượng nước sạch các đơn vị cấp nước, đơn vị sử dụng nước, đơn vị và hộ gia đình tự khai thác sử dụng nước theo quy định hiện hành.

c) Xây dựng kế hoạch, đảm bảo nhân lực, trang thiết bị, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí hằng năm để thực hiện kiểm tra, giám sát và ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn.

d) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định tăng tần suất, số lượng, vị trí lấy mẫu thử nghiệm ngoại kiểm theo QCĐP đối với các trường hợp cụ thể: khi xảy ra sự cố có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước; tình hình dịch bệnh; phản ánh của tổ chức, cá nhân về chất lượng nước sạch không đảm bảo và trường hợp khác theo yêu cầu của UBND tỉnh và cơ quan chức năng.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban ngành và cơ quan đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hướng dẫn việc áp dụng các quy định về cấp nước an toàn và QCĐP tại các đơn vị cấp nước thuộc phạm vi quản lý khu vực nông thôn.

b) Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện QCĐP, đảm bảo cấp nước an toàn và hoạt động cấp nước tại các đơn vị cấp nước thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường và cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xác định khu vực khai thác nước có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước khi xảy ra sự cố về môi trường hoặc nguyên nhân khác trên địa bàn tỉnh.

d) Hướng dẫn các hộ gia đình khu vực nông thôn tự khai thác nước thực hiện đúng quy định về vệ sinh nguồn nước, kỹ thuật xử lý nước cơ bản để đảm bảo sức khoẻ người dân.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh các giải pháp đảm bảo cung cấp nước sạch liên tục cho người dân tại khu vực nông thôn khi xảy ra sự cố về hạ tầng cấp nước hoặc chất lượng nước sạch không đảm bảo QCĐP.

4. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về hoạt động cấp nước, cấp nước an toàn; quản lý, vận hành công trình và hệ thống cấp nước sạch thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

b) Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch của cơ quan y tế, phối hợp hướng dẫn, đôn đốc đơn vị cấp nước thuộc phạm vi quản lý khắc phục các nguyên nhân liên quan đến công trình, công nghệ xử lý, mạng lưới và quản lý vận hành.

c) Chủ trì tham mưu giải pháp xử lý sự cố công trình, hệ thống cấp nước và duy trì cấp nước liên tục đối với hệ thống thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã, đơn vị cấp nước và cơ quan liên quan đề xuất, tổ chức phương án cấp nước thay thế khi cần thiết.

5. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện QCĐP trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế và các Sở, ban, ngành liên quan hàng năm; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo đúng chế độ quy định.

6. Các Sở, ban ngành khác và tổ chức đoàn thể

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, phối hợp Sở Y tế tuyên truyền phổ biến cho cán bộ, viên chức, người lao động và người dân thực hiện quyết định này.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến nội dung QCĐP cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn.

b) Tiếp nhận ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; kịp thời báo cáo và đề xuất xác định khu vực khai thác nước có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế.

c) Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, ngoại kiểm chất lượng nước sạch trên địa bàn quản lý.

d) Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc đảm bảo cung cấp nước sạch liên tục cho người dân khi xảy ra sự cố về chất lượng nước sạch.

đ) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này gửi Sở Y tế để tổng hợp.

8. Đơn vị cấp nước

a) Thực hiện các quy định tại Quyết định này.

b) Việc đánh giá sự phù hợp, đăng ký công bố hợp quy: thực hiện theo khoản 1 Điều 7 QCĐP 01:2026/PT và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng nước sạch do đơn vị cung cấp.

c) Lưu trữ và quản lý hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch:

- Các kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch định kỳ, đột xuất; bao gồm cả kết quả nội kiểm, kết quả ngoại kiểm chất lượng nước sạch theo quy định;

- Các hồ sơ về hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất nước sạch;

- Kết quả khắc phục các sự cố liên quan đến chất lượng nước sạch;

- Minh chứng công khai thông tin về chất lượng nước sạch.

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Đề xuất các thông số chất lượng nước sạch và mức giới hạn tương ứng để xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch.

e) Đảm bảo cung cấp nước sạch liên tục, chất lượng đạt theo quy chuẩn cho người dân khi xảy ra sự cố về chất lượng nước (nếu có).

g) Báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch theo quy định.

9. Đơn vị sử dụng nước

a) Thường xuyên tự kiểm tra, đảm bảo vệ sinh bể chứa nước sạch, bể chứa trung gian và hệ thống truyền dẫn nước sạch; thực hiện các quy định về nội kiểm chất lượng nước sạch và phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện ngoại kiểm chất lượng nước sạch theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

b) Lưu trữ và quản lý hồ sơ, kết quả nội kiểm theo dõi chất lượng nước sạch theo quy định.

c) Báo cáo sự cố liên quan đến chất lượng nước sạch và các biện pháp, kết quả khắc phục cho cơ quan quản lý, đơn vị cấp nước, UBND xã, phường và đơn vị y tế liên quan.

10. Đơn vị và hộ gia đình tự khai thác nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt

a) Thực hiện các quy định về sử dụng nguồn nước an toàn theo khuyến cáo của chính quyền địa phương.

b) Thường xuyên tự kiểm tra, đảm bảo vệ sinh của các công trình, thiết bị, dụng cụ thu, xử lý, lưu trữ nước sạch. Có biện pháp bảo vệ nguồn nước và hệ thống lưu trữ không bị ô nhiễm bởi chất thải sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp và làng nghề.

c) Kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương khi phát hiện có hiện tượng bất thường về chất lượng nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Hoà Bình ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hoà Bình hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Công thương; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCĐP 01:2026/PT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

Local technical regulation on Domestic Water Quality in Phu Tho Province

PHÚ THỌ - 2026

Lời nói đầu

Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ QCĐP 01:2026/PT do Ban soạn thảo được thành lập tại Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ biên soạn; Sở Y tế trình duyệt; UBND tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định danh mục các thông số chất lượng nước sạch và ngưỡng giới hạn cho phép đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chuẩn này áp dụng đối với:

a) Các đơn vị cấp nước (bao gồm cả các đơn vị có trụ sở tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác có mạng lưới cấp nước cho người dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ).

b) Các đơn vị sử dụng nước; đơn vị, hộ gia đình tự khai thác, sử dụng nước.

c) Cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; cơ quan y tế được giao thực hiện ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát và các phòng thử nghiệm các thông số chất lượng nước.

2. Quy chuẩn này không áp dụng đối với:

a) Nước uống đóng chai, đóng bình, nước khoáng thiên nhiên; nước uống trực tiếp tại vòi.

b) Các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị cấp nước là tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh.

2. Đơn vị sử dụng nước là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu chung cư, khu tập thể, bệnh viện, trường học, khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng có bể chứa nước sạch được cung cấp bởi đơn vị cấp nước.

3. Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt là nước đã qua xử lý có chất lượng đảm bảo, đáp ứng yêu cầu sử dụng cho mục đích ăn uống, vệ sinh của con người (viết tắt là nước sạch).

4. Thông số cảm quan là những yếu tố về màu sắc, mùi vị có thể cảm nhận được bằng các giác quan của con người.

5. CFU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Colony Forming Unit” có nghĩa là đơn vị hình thành khuẩn lạc.

6. MPN là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Most probable number” có nghĩa là số có xác suất lớn nhất.

7. NTU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Nephelometric Turbidity Unit” có nghĩa là đơn vị đo độ đục.

8. TCU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “True Color Unit” có nghĩa là đơn vị đo màu sắc.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

Điều 4. Danh mục các thông số chất lượng nước sạch và ngưỡng giới hạn cho phép

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
Các thông số nhóm A			
	a. Thông số vi sinh vật		
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	< 1
2	*E. coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1
	b. Thông số cảm quan và hoá học		
3	Màu sắc	TCU	15
4	Mùi(*)	-	Không có mùi lạ
5	pH(*)	-	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục	NTU	2
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	0,01
8	Clo dư tự do(*)	mg/L	Trong khoảng 0,2-1,0
9	Permanganat	mg/L	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	1
Các thông số nhóm B			
	a. Thông số vi sinh vật		
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	< 1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	< 1
	b. Thông số hoá học		

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
13	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003
14	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01
15	Chromi (Cr)	mg/L	0,05
16	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1
17	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	mg/L	300
18	Florua (Fluoride) (F^-)	mg/L	1,5
19	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	2
20	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
21	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2
22	Nickel (Ni)	mg/L	0,07
23	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	11
24	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	0,9
25	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
26	Seleni (Se)	mg/L	0,04
27	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})	mg/L	250
28	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	0,001
29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000
30	Xyanua (Cyanide) (CN^-)	mg/L	0,05
	*Nhóm Hy*drocacbua thơm		
31	Benzene (C_6H_6)	µg/L	10
32	Pentachlorophenol (C_6HCI_5O)	µg/L	9
	Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật		
33	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	100
34	Chlorpyrifos ($C_9H_{11}Cl_3NO3PS$)	µg/L	30
	Nhóm hóa chất khử trùng và sản		

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
	phẩm phụ		
35	Monochloramine (NH_2Cl)	µg/L	3000
	Nhóm Trihalomethane (THM)		
36	Chloroform ($CHCl_3$)	µg/L	300
Chú thích: (-) là không có đơn vị tính			

(*) Thông số đo tại hiện trường.

Hai chất Nitrit và Nitrat đều có khả năng tạo methemoglobin. Do vậy, trong trường hợp hai chất này đồng thời có mặt trong nước sạch thì tổng tỷ lệ nồng độ (C) của mỗi chất so với giới hạn tối đa (GHTĐ) của chúng không được lớn hơn 1 và được tính theo công thức sau:

$C_{nitrat}/GHTĐ_{nitrat} + C_{nitrit}/GHTĐ_{nitrit} \leq 1$

Chương III
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

Điều 5. Phương pháp lấy mẫu, phương pháp thử

1. Phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch theo quy định tại Phụ lục Danh mục các phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm ban hành kèm theo QCVN 01-1:2024/BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Ngoài các phương pháp quy định tại khoản 1 điều này, chấp nhận kết quả từ các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước sạch đáp ứng yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Yêu cầu đối với phòng thử nghiệm chất lượng nước sạch

1. Việc thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn khác theo quy định hiện hành.

2. Phương tiện đo sử dụng trong thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch (kể cả phương tiện đo hiện trường) phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong toàn bộ thời gian quy định của chu kỳ kiểm định, đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng.

Điều 7. Công bố hợp quy

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất nước sạch

a) Việc chứng nhận sự phù hợp được thực hiện theo Phương thức 1 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

b) Thực hiện đăng ký công bố hợp quy qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN; cung cấp tài liệu minh chứng đã hoàn thành công bố hợp quy cho khách hàng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ thực hiện truyền dẫn, phân phối, bán buôn, bán lẻ nước sạch không phải thực hiện công bố hợp quy, nhưng phải tuân thủ Quy chuẩn này và đảm bảo duy trì chất lượng nước sạch trong phạm vi công trình, mạng lưới thuộc quyền quản lý.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan hướng dẫn triển khai QCĐP; đánh giá hiệu quả việc áp dụng QCĐP định kỳ 05 năm hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày ban hành.

2. Đơn vị cấp nước; đơn vị sử dụng nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ phải tuân thủ các quy định tại QCĐP này; lập và lưu trữ đầy đủ hồ sơ.

3. Các phòng thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch theo QCĐP này phải đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Điều 9. Áp dụng quy định của pháp luật

1. Trong trường hợp các phương pháp thử và các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong QCĐP này được sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản pháp luật mới.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Y tế) để giải quyết./.